

Số: 54/QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình công tác
lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2017

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 2452/QĐ-TTg ngày 15/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; Quyết định số 2309/QĐ-TTg ngày 29/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBTWMTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Đỗ Ngọc Dung



**CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC
LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI
NĂM 2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 54 /QĐ-LĐTBXH ngày 09/01/2017
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Để góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 đã được Quốc hội thông qua là: “*Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo chuyển biến rõ trong thực hiện ba đột phá chiến lược; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện dân chủ và tiến bộ, công bằng xã hội. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật; tập trung tinh giản biên chế, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Nâng cao hiệu quả đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”.*

Quán triệt Nghị quyết số 01/NQ - CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2017 với các nội dung chủ yếu sau:

I. CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao:

- 1.1. Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều từ 1,0 - 1,5%, trong đó giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo 4%.
- 1.2. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.
- 1.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 55 – 57%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo 22,5%.

2. Nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Ngành:

2.1. Tạo việc làm, phát triển thị trường lao động:

- Giải quyết việc làm cho khoảng 1,6 triệu người lao động, trong đó:

- + Tạo việc làm trong nước cho 1,495 triệu người lao động;
- + Số người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng 105.000 người.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội trong lực lượng lao động đạt 25 – 27%.

2.2. Giáo dục nghề nghiệp:

- Tuyển mới dạy nghề 2,2 triệu người, trong đó: Trình độ trung cấp và cao đẳng là 600 nghìn người; trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng là 1.600 nghìn người (hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Quyết định số 1956/QĐ-TTg là 600 nghìn người; trong đó hỗ trợ dạy nghề cho khoảng 20.000 người khuyết tật).

- Tốt nghiệp học nghề theo các trình độ đào tạo đạt 1.866,5 nghìn người, trong đó: cao đẳng, trung cấp khoảng 166,5 nghìn người; sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng khoảng 1.700 nghìn người.

2.3. Chăm sóc người có công: 99% hộ gia đình chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú; 98,5% xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công.

2.4. Bảo trợ xã hội:

- 100% các đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

- 82% các đối tượng người khuyết tật được tiếp cận tối thiểu một trong các dịch vụ xã hội.

2.5. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em:

- 87% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp;

- 82% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

2.6. Đảm bảo sự bình đẳng của phụ nữ trong tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội và gia đình. Tỷ lệ mỗi giới trong tổng số lao động được tạo việc làm đạt tối thiểu 40%.

2.7. Phòng, chống tệ nạn xã hội:

- Tỷ lệ người nghiện được điều trị so với số người nghiện có hồ sơ quản lý 78%. Giảm tỷ lệ điều trị bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện xuống 14%.

- Tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho khoảng 15 ngàn lượt đối tượng bán dâm, trong đó hỗ trợ vay vốn, tạo việc làm cho 5.000 người.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỀ LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI NĂM 2017

1. Xây dựng và triển khai thực hiện đồng bộ các luật, văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, dự án về lao động, người có công và xã hội

1.1. Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung nghiên cứu, xây dựng đảm bảo tiến độ, chất lượng theo Chương trình công tác năm 2017 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời rà soát các văn bản đã

ban hành không còn phù hợp để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Tập trung sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động phù hợp với các Hiệp định thương mại và các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia; tiếp tục xây dựng, trình ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Luật bảo hiểm xã hội, Luật an toàn, vệ sinh lao động, Luật trẻ em; nghiên cứu đánh giá, sửa đổi Pháp lệnh ưu đãi người có công.

Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình xây dựng văn bản đảm bảo chất lượng, tiến độ quy định; tổng hợp báo cáo Bộ tình hình, tiến độ thực hiện (tháng, quý, năm).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ động nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự thảo các luật, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương ngay trong quá trình soạn thảo để kịp thời nắm bắt, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện khi văn bản có hiệu lực.

1.2. Viện Khoa học Lao động - Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, đánh giá tác động của chính sách, pháp luật đối với lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; nâng cao chất lượng công tác dự báo phục vụ việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn trên các lĩnh vực của Ngành.

1.3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức tốt việc thông tin tuyên truyền về chính sách, pháp luật, sự chỉ đạo, điều hành thuộc phạm vi quản lý; tăng cường tiếp xúc, đối thoại, trao đổi, tiếp nhận thông tin phản hồi, nhất là về các chính sách, pháp luật gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

1.4. Văn phòng Bộ chủ trì xây dựng kế hoạch đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về các ngày lễ lớn, kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ.

2. Phát triển thị trường lao động, tạo việc làm cho người lao động

2.1 Cục Việc làm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

- Tổng hợp theo dõi, đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu giải quyết việc làm trong nước cho 1,495 triệu người lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đến cuối năm 2017 đạt 55-57%; tỷ lệ thất nghiệp dưới 3%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về thị trường lao động. Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển thị trường lao động. Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động, tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường lao động trong nước gắn với hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động; nâng cao chất lượng và đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của hệ thống

Trung tâm giới thiệu việc làm tại địa phương; kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia.

- Tổ chức thực hiện Luật việc làm. Theo dõi, kiểm tra, giám sát thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, các chương trình, dự án đã ban hành nhằm tạo nhiều việc làm mới, nâng cao thu nhập cho người lao động, nhất là tạo việc làm cho thanh niên, lao động nông thôn, lao động vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất, vùng đồng bào dân tộc, người khuyết tật...

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả kế hoạch năm 2017, đồng thời hoàn thiện Dự án Thị trường lao động thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm – An toàn lao động để sớm được phê duyệt; hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án ngay sau khi Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo dõi, giám sát việc sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

2.2. Cục Quản lý lao động ngoài nước chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

- Tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành vượt mức chỉ tiêu xuất khẩu lao động 105 ngàn người.

- Rà soát, đánh giá tổng thể các thị trường lao động ngoài nước; tăng cường công tác quản lý, phát triển tăng thị phần ở thị trường truyền thống, nghiên cứu mở thị trường mới. Đẩy mạnh các hình thức hợp tác đưa lao động có trình độ, tay nghề đi làm việc ở nước ngoài như: điều dưỡng viên, người lao động đi làm việc ở Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Đức... Thực hiện tốt công tác quản lý lao động làm việc ở ngoài nước để bảo vệ quyền lợi của người lao động, đồng thời xử lý kịp thời những vi phạm kỷ luật của người lao động làm ảnh hưởng đến thị trường.

- Cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động mở thị trường; tổ chức tuyển chọn, giáo dục định hướng, dạy nghề... tạo nguồn lao động xuất khẩu theo yêu cầu của thị trường.

- Tổ chức thực hiện tốt các chương trình, dự án hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách của đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững giai đoạn 2009-2020.

3. Tăng cường công tác quản lý lao động người nước ngoài; thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, cải thiện quan hệ lao động, điều kiện lao động

3.1. Cục Việc làm, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan:

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý lao động nước ngoài tại các địa phương; kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, nghiệp vụ

gắn với cải cách thủ tục hành chính trong việc đăng ký, cấp phép cho lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

3.2. Vụ Lao động - Tiền lương, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

- Tiếp tục thực hiện lộ trình cải cách tiền lương; hướng dẫn, kiểm tra giám sát bảo đảm thực hiện đúng quy định về mức lương tối thiểu vùng đối với các doanh nghiệp năm 2017 theo Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ và các quy định của pháp luật về tiền lương; phối hợp với Hội đồng tiền lương Quốc gia tham mưu đề xuất mức lương tối thiểu vùng năm 2018.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 26/12/2014 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Kết luận số 96-KL/TW ngày 07/4/2014 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 05/6/2008 của Ban Bí thư khóa X về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

- Tiếp tục hướng dẫn các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển quan hệ lao động; đặc biệt là ở các tỉnh thuộc 4 vùng kinh tế trọng điểm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4690/VPCP-KGVX ngày 11/6/2013.

- Chủ động theo dõi, nắm bắt và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan xử lý kịp thời các tranh chấp lao động, nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội; tổng hợp đầy đủ, kịp thời báo cáo diễn biến tình hình và kết quả giải quyết các vụ đình công.

3.3. Vụ Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 26/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020; hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Luật việc làm (về bảo hiểm thất nghiệp).

- Tăng cường sự phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội ở các cấp trong việc thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; quản lý tốt đối tượng đóng và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện các giải pháp mở rộng diện được tham gia và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ có trọng điểm cho đối tượng tự nguyện tham gia bảo hiểm xã hội; xây dựng trình Chính phủ phương án giảm 1,0% mức đóng bảo hiểm.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đề xuất xử lý những kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

3.4. Cục An toàn lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

- Tổ chức thực hiện Luật an toàn, vệ sinh lao động hiệu quả. Tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động. Tăng cường quản lý nhà nước về công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; kiểm định kỹ thuật an toàn. Nâng cao năng lực hoạt động đăng ký, kiểm định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; thực hiện kiểm tra công tác huấn luyện, kiểm định ở một số Bộ, ngành, địa phương, phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm; tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và tổ chức hướng dẫn công tác huấn luyện, kiểm định về an toàn lao động.

- Tổ chức Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2017 lần thứ nhất theo Quyết định số 87/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ với chủ đề “Nâng cao nhận thức, đẩy mạnh các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc, giảm ô nhiễm môi trường lao động, hạn chế tai nạn lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động”.

- Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn lao động và tình hình tai nạn lao động; xử lý, đề xuất xử lý tai nạn lao động nghiêm trọng.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp

Tổng cục Dạy nghề, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Luật giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2016 – 2020. Hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước các cấp về giáo dục nghề nghiệp; phát triển hợp lý, bảo đảm công bằng, cạnh tranh lành mạnh giữa giáo dục nghề nghiệp công lập và giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của người học, người sử dụng lao động và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đổi mới cơ chế quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ theo hướng tăng cường tính tự chủ và áp dụng cơ chế cạnh tranh về chất lượng giữa các cơ sở đào tạo. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; tăng dần đấu thầu, đặt hàng chi tiêu đào tạo nghề nghiệp từ ngân sách nhà nước; nghiên cứu thí điểm chuyển đổi một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp sang mô hình cổ phần hóa.

- Đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo hướng tăng nội dung thực hành, gắn kết chặt chẽ hơn với thực tế, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề. Rà soát quy hoạch mạng lưới các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề.

- Ưu tiên đào tạo nhân lực ngành kỹ thuật, công nghệ; nâng cao tỷ lệ lao động có đào tạo chuyên môn kỹ thuật; nâng cao hiệu quả đào tạo, dạy nghề gắn với giải quyết việc làm.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo lao động có tay nghề, trình độ chuyên môn cho các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung và các dự án đầu tư lớn có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển đất nước; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Phần đầu đạt chỉ tiêu:

+ Tuyển mới dạy nghề cho 2,2 triệu người, trong đó: Trình độ trung cấp và cao đẳng là 600 nghìn người; trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng 1.600 nghìn người (hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Quyết định số 1956/QĐ-TTg là 600 nghìn người; trong đó hỗ trợ dạy nghề cho khoảng 20 ngàn người khuyết tật).

+ Tốt nghiệp học nghề theo các trình độ đào tạo đạt 1.866,5 ngàn người, trong đó: cao đẳng, trung cấp khoảng 166,5 ngàn người; sơ cấp khoảng 1.000 nghìn người và dạy nghề dưới 3 tháng khoảng 700 nghìn người. Nâng cao hiệu quả đào tạo, dạy nghề gắn với giải quyết việc làm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của xã hội về học nghề lập nghiệp.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả kế hoạch năm 2017 các Dự án ODA về dạy nghề.

5. Cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người có công

Cục Người có công, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

- Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng theo Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

- Phần đầu 99% hộ gia đình chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú; 98,5% xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ các chính sách, chế độ ưu đãi người có công.

- Tập trung rà soát số liệu thống kê đối tượng thanh niên xung phong, người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị ảnh hưởng bởi chất độc hóa học. Giải quyết cơ bản hồ sơ đang còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công theo quy trình tính chất cá biệt được thí điểm tại 5 tỉnh để xử lý dứt điểm các trường hợp còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công, đặc biệt với đối tượng liệt sỹ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trong

chiến tranh không còn giấy tờ; người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị ảnh hưởng bởi chất độc hóa học.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện Đề án “Xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin”; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả Đề án Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở.

- Cùng cố, nâng cấp các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chỉnh hình - phục hồi chức năng đáp ứng yêu cầu điều trị, phục hồi sức khỏe cho người có công. Đầu tư, xây dựng, sửa chữa, tôn tạo và nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ đảm bảo ổn định, lâu dài, phát huy tính giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh – Liệt sỹ với tinh thần là năm Đền ơn đáp nghĩa, tri ân của cả nước đối với thế hệ những người đã ngã xuống và tổ chức Hội nghị biểu dương người có công tiêu biểu năm 2017. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng Nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; đào tạo, bồi dưỡng thế hệ con em của người có công tiếp tục phát huy truyền thống, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện Đề án Xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả Đề án Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở.

6. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững

Văn phòng quốc gia về Giảm nghèo, Cục Bảo trợ xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương:

- Tổng hợp theo dõi, đánh giá thực hiện chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều từ 1,0 – 1,5% so với năm 2016, trong đó giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo 4%.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả, đồng bộ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020 và Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về việc đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Quyết định số 2313/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo theo hướng bền vững, tăng cường khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo, trong đó chú trọng các giải pháp khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Rà soát các chương trình, chính sách hiện có, khắc phục những yếu kém, hạn chế

trong nhiệm vụ giảm nghèo phù hợp cho giai đoạn 2016 – 2020. Hướng dẫn chuẩn nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều nhằm bảo đảm đời sống tối thiểu và đáp ứng các dịch vụ xã hội cơ bản và phù hợp thực tiễn của Việt Nam.

- Đánh giá, thẩm định các huyện nghèo theo Quyết định số 2115/QĐ-TTg ngày 07/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nghèo áp dụng cho giai đoạn 2017-2020 để đưa các huyện đã thoát nghèo ra khỏi danh sách diện hỗ trợ và bổ sung các huyện nghèo được hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả kế hoạch năm 2017 các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo dõi, giám sát việc sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

- Công bố chính thức kết quả rà soát hộ nghèo năm 2016; tổ chức rà soát hộ nghèo năm 2017, chú ý rà soát, phân loại các nguyên nhân nghèo theo các nhóm hộ để có các chính sách trợ giúp phù hợp, đồng thời phân công, giao nhiệm vụ, kêu gọi sự trợ giúp từ doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân đối với hộ nghèo; tạo phong trào thi đua làm kinh tế giỏi, thoát nghèo vươn lên khá giả trong các cộng đồng dân cư.

7. Tăng cường hoạt động bảo trợ, trợ giúp xã hội

Cục Bảo trợ xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

- Tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và của Bộ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đã ban hành cho đối tượng bảo trợ xã hội. Phát triển các mô hình chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động công tác trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất. Phát triển nghề công tác xã hội, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp. Phát triển đa dạng các hình thức từ thiện, nhân đạo, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Phấn đấu 100% các đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 82% các đối tượng người khuyết tật được tiếp cận tối thiểu một trong các dịch vụ xã hội.

- Theo dõi sát tình hình thiếu đói giáp hạt, thiệt hại do thiên tai để kịp thời đề xuất các giải pháp khắc phục hậu quả; hướng dẫn địa phương chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả do thiên tai, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời, khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, nhất là đồng bào bị thiệt hại do lũ lụt ở miền Trung. Nghiên cứu, xây dựng, triển khai thực hiện các mô hình phòng tránh và cứu trợ phù hợp để kịp thời ứng phó và hạn chế các tác

động xấu của thiên tai, hướng dẫn người dân chủ động phòng, chống, cứu giúp lẫn nhau khi gặp thiên tai.

- Thực hiện Đề án củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2025; nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả. Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án Bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống, sản xuất cho người dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam.

- Nghiên cứu, xây dựng, thí điểm cấp số và thẻ an sinh xã hội điện tử; thay đổi phương thức giải quyết chính sách trợ giúp xã hội thông qua hệ thống bưu điện, nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả cung cấp dịch vụ công cho người dân.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án để đảm bảo mục tiêu kế hoạch năm 2017 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội: Dự án Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội cho đối tượng yếu thế (*Phát triển nghề công tác xã hội; Trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; Trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng; Trợ giúp người khuyết tật*). Triển khai Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi. Theo dõi, giám sát sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Luật người cao tuổi, Luật người khuyết tật và các chính sách trợ giúp xã hội. Tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện luật pháp, chính sách về bảo trợ xã hội.

8. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện cho trẻ em

8.1. Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn.

- Tập trung xây dựng “xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em”, để mọi trẻ em đều được bảo vệ, chăm sóc và đảm bảo thực hiện các quyền cơ bản của trẻ em. Phần đầu 87% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp; 82% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ tình nguyện viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; từng bước mở rộng mạng lưới, chuyên nghiệp hoá đội ngũ cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cấp thôn, bản; thành lập, đưa vào hoạt động một số loại hình dịch vụ bảo vệ trẻ em (Trung tâm công tác xã hội trẻ em, điểm tham vấn tại cộng đồng, trường học); tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: tổ chức các chiến dịch truyền thông về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên các báo, đài; nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm truyền thông mẫu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; nâng cao năng lực truyền thông về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho lực lượng truyền thông đại chúng.

- Xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả về bảo vệ, chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng; mô hình thúc đẩy sự tham gia của trẻ em; mô hình phòng, chống tai nạn thương tích; mô hình hỗ trợ trẻ em bị mua bán; mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong nhà trường và cộng đồng; các mô hình thực hiện các quyền của trẻ em về khai sinh, chăm sóc sức khoẻ dinh dưỡng, vui chơi giải trí, văn hoá, thể thao... đảm bảo cho mọi trẻ em (đặc biệt là trẻ em có nguy cơ cao, bị hạn chế phát triển bình thường về thể chất tinh thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt) tiếp cận các dịch vụ này thuận lợi, hiệu quả. Ưu tiên hỗ trợ bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNICEF) trong việc huy động nguồn lực xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án trợ giúp, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ kỹ thuật, kiến thức và kinh nghiệm cho công tác xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện chính sách, hướng dẫn thực hiện cũng như xây dựng kế hoạch, giám sát, đánh giá thực hiện mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình góp phần đạt mục tiêu kế hoạch năm 2017: Dự án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em; Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em... Theo dõi, giám sát sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

8.2. Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương: kiện toàn và phát huy hiệu quả hệ thống Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp; đổi mới hình thức, nội dung vận động, hoạt động của Quỹ; triển khai các chương trình, dự án nhằm hỗ trợ khoảng 1 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trong phạm vi toàn quốc.

9. Thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

Vụ Bình đẳng giới, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

- Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật bình đẳng giới. Tổ chức phối hợp liên ngành vì sự tiến bộ phụ nữ với các cấp Hội phụ nữ, góp phần thúc đẩy thực hiện thành công các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới ở Việt Nam.

- Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng thành các chính

sách, pháp luật đối với phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các hệ thống dịch vụ nhằm hỗ trợ phụ nữ và nam giới bình đẳng về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về bình đẳng giới; thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế về bình đẳng giới mà Việt Nam đã phê chuẩn. Đảm bảo sự bình đẳng của phụ nữ trong tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội và gia đình. Tỷ lệ mỗi giới trong tổng số lao động được tạo việc làm đạt tối thiểu 40%.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Cùng với các địa phương và cơ quan liên quan thúc đẩy thực hiện các chỉ tiêu về bình đẳng giới trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020, trong đó chú trọng chỉ tiêu về tỷ lệ phụ nữ tham gia chính trị, lãnh đạo quản lý.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới, đặc biệt là các Bộ, ngành chức năng có liên quan tới việc thực thi bình đẳng giới ở 8 lĩnh vực trọng yếu mà Luật bình đẳng giới đã quy định là: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế và gia đình. Thí điểm xây dựng các mô hình dịch vụ nhằm hỗ trợ cả nam và nữ trong phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới và phòng, chống bạo lực gia đình.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án để đạt mục tiêu kế hoạch năm 2017: Chiến lược về bình đẳng giới, Dự án Hỗ trợ các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới thuộc Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo dõi, giám sát sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

10. Giảm phát sinh mới tệ nạn xã hội; nâng cao chất lượng cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai; phòng, chống tệ nạn mại dâm

Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương:

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới. Tiếp tục triển khai đưa người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Nghị quyết số 77/2014/QH13 ngày 10/11/2014 của Quốc hội cho đến khi các luật liên quan được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực.

- Phân đầu tỷ lệ người nghiện được điều trị so với số người nghiện có hồ sơ quản lý là 78%; Tỷ lệ điều trị bắt buộc tại các trung tâm cai nghiện là 14%. Tư

vấn, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho khoảng 15.000 lượt đối tượng bán dâm; trong đó hỗ trợ vay vốn, tạo việc làm cho 5.000 người.

- Tiếp tục đổi mới công tác, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy: Hoàn thành chuyển đổi các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thành cơ sở cai nghiện theo Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 31/12/2016 của Chính phủ; quy hoạch cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt..., từng bước xây dựng, hình thành mạng lưới các cơ sở điều trị cai nghiện có đủ năng lực triển khai điều trị thay thế nghiện bằng chất Methadone và các phương pháp điều trị khác đáp ứng nhu cầu đa dạng về dịch vụ điều trị cai nghiện cho người nghiện ma túy ở các địa phương. Tăng cường quản lý, tư vấn, trợ giúp người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng, chống tái nghiện.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống tệ nạn mại dâm theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống mại dâm trong tình hình hiện nay. Phòng ngừa, tiến tới đẩy lùi tệ nạn mại dâm dưới mọi hình thức. Xây dựng các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội phát triển để thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tạo điều kiện cho người bán dâm được dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ xã hội. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác phòng, chống mại dâm ở các cấp, các ngành và toàn xã hội.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai các nội dung Đề án “Tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về”. Rà soát, đánh giá thực trạng hệ thống dịch vụ hỗ trợ nạn nhân ở cộng đồng, hệ thống cơ quan, tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng trên phạm vi toàn quốc, đề xuất các biện pháp, giải pháp tăng cường hỗ trợ tại cộng đồng. Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ vay vốn, học nghề, tạo việc làm và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, chăm sóc y tế, thông tin... đối với nạn nhân bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng được tốt hơn.

- Nhân rộng mô hình xã, phường phòng ngừa, ngăn chặn phát sinh mới tệ nạn ma túy, mại dâm. Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng “xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội”; chuyên hóa những xã, phường trọng điểm về tệ nạn ma túy, mại dâm; huy động tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh các cấp, nhà trường... thực hiện đồng bộ các giải pháp về tuyên truyền, giáo dục, vận động thanh niên tránh xa ma túy, mại dâm; xây dựng lực lượng tình nguyện viên ở các xã, phường.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án để đạt mục tiêu kế hoạch năm 2017: Dự án Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán thuộc Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Theo dõi, giám sát sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm công bằng, công khai,

minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

11. Tích cực, chủ động trong hợp tác quốc tế

Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan ở Trung ương và địa phương:

- Tiếp tục cụ thể hóa chủ trương “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” theo tinh thần của Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế.

- Thực hiện tốt vai trò cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo liên ngành về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ và giáo dục - đào tạo. Chủ động tham gia có hiệu quả, nâng tầm đối ngoại đa phương; tiếp tục đưa quan hệ đối tác, nhất là quan hệ với các nước láng giềng và trong khu vực ASEAN, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, với các nước lớn đi vào chiều sâu, có hiệu quả, củng cố hơn nữa đoàn kết, đồng thuận trong ASEAN. Tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; triển khai Chiến lược hợp tác quốc tế theo Quyết định số 1825/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2016 của Bộ; triển khai Đề án xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các mục tiêu của cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN đến năm 2025 theo Quyết định 161/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế song phương, đa phương, ASEAN và phi chính phủ; triển khai có hiệu quả các cam kết quốc tế. Tăng cường đối thoại chính sách thông qua đoàn ra, đoàn vào, tiếp khách quốc tế. Mở rộng các lĩnh vực và đối tác hợp tác. Tổ chức các hội thảo về quan hệ đối tác, vận động tài trợ.

- Triển khai Kế hoạch hành động về thông tin đối ngoại và Chương trình hành động về thông tin đối ngoại giai đoạn 2014-2020. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về chính sách nhân quyền của Đảng, Nhà nước. Triển khai các hoạt động đối ngoại đặc thù.

12. Quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các lĩnh vực của Ngành; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp

Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ, các đơn vị trực thuộc Bộ và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố:

- Tổ chức thực hiện Luật đầu tư công, Luật xây dựng. Hướng dẫn và tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020. Chú trọng việc lập báo cáo đề xuất thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư; cân đối bố trí đủ vốn để chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án theo thẩm quyền. Thực hiện hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn đầu tư công.

- Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công năm 2017 theo đúng Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 và Nghị quyết số 29/2016/QH14 ngày

14/11/2016 của Quốc hội và các Quyết định giao Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền. Chủ đầu tư đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công công trình, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để thanh toán dứt điểm khối lượng đã thực hiện.

- Quản lý chặt chẽ các khâu của đầu tư công. Có biện pháp cụ thể khắc phục tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài và quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác, kéo dài thời gian thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong tất cả các khâu của quá trình đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để dự án triển khai nhanh, đúng tiến độ, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Làm rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân gây chậm trễ trong việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017 gây thất thoát, lãng phí nguồn lực ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện hạch toán như doanh nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện; cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện, trừ các bệnh viện, trường học; giải thể đơn vị sự nghiệp công lập kém hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ (Quyết định số 1619/QĐ-LĐTBXH ngày 12/11/2012) thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hoá một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công” và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 633/QĐ-LĐTBXH ngày 15/5/2015 và số 773/QĐ-LĐTBXH ngày 08/6/2015).

- Thực hiện vai trò chủ sở hữu phần vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ đã cổ phần hóa. Nghiên cứu xây dựng phương án và tiếp tục thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhưng không được để lợi ích nhóm thao túng, gây thất thoát vốn và tài sản của nhà nước, xử lý dứt điểm các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ. Các doanh nghiệp cổ phần hóa phải niêm yết trên thị trường chứng khoán trong thời hạn một năm kể từ ngày phát hành cổ phiếu lần đầu.

13. Cải cách hành chính

Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ, Trung tâm Thông tin, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ở Trung ương và địa phương:

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Đơn giản hóa, công khai, minh bạch mọi thủ tục hành chính tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp thực hiện và giám sát, kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính và kiến nghị sửa đổi những quy định về thủ tục hành chính không còn phù hợp, gây vướng mắc, khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

- Tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai thực hiện công vụ. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ của đơn vị mình được phân công phụ trách. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức tiêu cực, nhũng nhiễu, không chấp hành kỷ luật, kỷ cương.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, tăng cường cung cấp dịch vụ công qua mạng, thuê doanh nghiệp thực hiện cung cấp hoặc thực hiện một số khâu, thủ tục cung cấp dịch vụ công.

- Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với cải cách bộ máy hành chính nhà nước. Rà soát lại toàn bộ công tác cán bộ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch tất cả các khâu trong quy trình bổ nhiệm để chọn được người tài.

14. Công tác Kế hoạch – Tài chính và Thống kê

Vụ Kế hoạch – Tài chính và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố, các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ:

- Thực hiện nghiêm Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật quản lý nợ công; Luật đấu thầu, Luật phí và lệ phí, Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định. Xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và cả trong quá trình thực hiện. Kiểm soát chặt chẽ dự toán chi ngân sách nhà nước, nhất là kinh phí họp, hội nghị, hội thảo, tiếp khách, đi công tác trong nước, ngoài nước, mua sắm xe ô tô và trang thiết bị đắt tiền theo tinh thần triệt để tiết kiệm. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước được giao; cân đối nguồn tăng lương theo đúng Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

- Cắt giảm dự toán đối với những nhiệm vụ chi thường xuyên đã được giao từ đầu năm nhưng đến hết năm ngân sách theo quy định vẫn còn dư dự toán, trừ các khoản mới bổ sung trong năm.

- Phối hợp với đơn vị chủ trì các chương trình, dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 – 2020 để

hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu của các chương trình.

- Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả vốn vay, chỉ vay trong khả năng trả nợ; kiểm soát chặt khoản vay của doanh nghiệp nhà nước.

- Tổ chức hệ thống thông tin thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương nhằm thu thập, cập nhật và xử lý thông tin một cách kịp thời. Kiện toàn tổ chức thực hiện nhiệm vụ thống kê của Bộ theo quy định.

15. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thanh tra Bộ, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ở Trung ương và địa phương:

- Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng sửa đổi; Kế hoạch và chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, nhất là tập trung thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/02/2012 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Tiếp tục thực hiện “Đề án nâng cao năng lực thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội” theo Quyết định số 2155/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện công tác thanh tra hành chính, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, trong đó tập trung thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu; công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

- Thanh tra vùng; thanh tra việc thực hiện pháp luật lao động; thanh tra chuyên đề về an toàn, vệ sinh lao động; tiếp tục triển khai việc phát phiếu tự kiểm tra thực hiện pháp luật lao động tại doanh nghiệp; thanh tra lĩnh vực đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thanh tra lĩnh vực người có công; thanh tra lĩnh vực trẻ em, bình đẳng giới, bảo trợ xã hội; thanh tra lĩnh vực bảo hiểm xã hội; thanh tra dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, tập trung kiểm tra xử lý, làm chuyển biến rõ nét những vấn đề xã hội còn bức xúc, cử tri và đại biểu Quốc hội quan tâm như: dạy nghề cho lao động nông thôn, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cai nghiện ma túy...

- Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trong đó chú trọng thanh tra phát hiện những yếu kém, vi phạm trong việc chấp hành các chính sách, pháp luật để ngăn chặn, xử lý các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng. Tiếp tục kiểm tra, rà soát để có biện pháp xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày

23/11/2012 của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo và Luật tiếp công dân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ vào Chương trình công tác này và các Nghị quyết, Quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

1. Khẩn trương xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Chương trình công tác cụ thể của đơn vị, địa phương ngay trong tháng 2 năm 2017; trong đó, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công từng bộ phận, cá nhân chủ trì để triển khai thực hiện và gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế) trước ngày 01/3/2017 để theo dõi, giám sát.

2. Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả các giải pháp trong chương trình; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện chương trình công tác đã đề ra; tổ chức giao ban hàng tháng để kiểm điểm tình hình thực hiện chương trình, chủ động xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời những vấn đề mới phát sinh.

Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện chương trình hàng tháng, quý gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 20 hàng tháng và tháng cuối quý để tổng hợp báo cáo các cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Tăng cường công tác phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương; các cơ quan của Đảng, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

4. Chánh Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chương trình công tác này, định kỳ báo cáo và đề xuất với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết bảo đảm Chương trình được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

5. Phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn Ngành, phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, nhiệm vụ trong từng cơ quan, đơn vị và toàn Ngành./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI